

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 18/2020/HC-GĐT

Ngày 20/8/2020

V/v khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

***- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Du - Phó Chánh án  
Tòa án nhân dân tối cao;

Các Thẩm phán: - Ông Đặng Xuân Đào;  
- Ông Nguyễn Văn Thuận;  
- Ông Nguyễn Văn Tiến;  
- Bà Đào Thị Xuân Lan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa:*** Ông Lê  
Thành Dương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 20/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao đã mở phiên tòa giám  
đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong  
lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện* Ông Lê Văn H, sinh năm 1966; cư trú tại: Xóm 4,  
thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị T (được  
ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 07/7/2017 giữa ông Lê Văn H và bà  
Nguyễn Thị T);

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;

Địa chỉ: Số X1, đường Y1, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:* Ông Phan Cao T1 - Phó  
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (được ủy quyền theo Văn bản ủy  
quyền số 19/GUQ-UBND ngày 23/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh  
Bình Định).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định;

Địa chỉ: Số X2, đường Y2, thị trấn Z, huyện H, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp của người bị kiện:* Ông Nguyễn Văn Đ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 15/GUQ-UBND ngày 27/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định;

Địa chỉ: Số X3, đường Y3, thị trấn Z1, huyện H, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn Đ - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định (được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 15/GUQ-UBND ngày 27/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định).

2. Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Bình Định;

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, thôn X4, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Bình Định:* Ông Nguyễn Phước C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Bình Định.

3. Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện H, tỉnh Bình Định;

*Người đại diện hợp pháp của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện H, tỉnh Bình Định:* Ông Nguyễn Văn H1 - Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng giải phóng mặt bằng dự án mở rộng Quốc lộ 1A.

4. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1968;

Cư trú tại: Xóm 4, thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Định.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 153A, Tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại thôn X, xã Y, huyện H, tỉnh Bình Định là của vợ chồng ông Lê Văn H nhận chuyển nhượng của bà Võ Thị Đ1 vào năm 1992 (bằng giấy viết tay). Tại thời điểm chuyển nhượng, thửa đất nói trên có chiều ngang theo mặt đường Quốc lộ 1A là 08 m, chiều sâu giáp đường tàu lửa; tổng diện tích 185,58 m<sup>2</sup>.

Tháng 2 năm 1993, vợ chồng ông H tiến hành xây dựng 02 gian nhà cấp 4 liền kề nhau: Nhà thứ nhất có chiều ngang là 4,5 m, chiều sâu là 17 m, diện tích xây dựng khoảng 122,17 m<sup>2</sup>; nhà thứ 2 có chiều ngang là 3,5 m, chiều sâu là 17 m, diện tích xây dựng khoảng 63,41 m<sup>2</sup>.

Ngày 10/12/2000, ông Nguyễn L (con bà Đ1) và vợ là Nguyễn Thị K lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (số 417/2001/CNQSDĐ do phòng địa chính huyện H ghi ngày 28/10/2001) chuyển nhượng cho ông Lê Văn H, bà

Nguyễn Thị T 152 m<sup>2</sup> đất vườn tại thửa số 153, Tờ bản đồ số 8, xã Y để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở. Hợp đồng này được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Y thẩm định và xác nhận ngày 21/02/2001 và ngày 28/10/2001 UBND huyện H đồng ý cho phép hộ ông L chuyển nhượng 152 m<sup>2</sup> đất tại thửa 153, Tờ bản đồ số 08, xã Y để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Ngày 31/10/2001, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1075/QĐ-UB cho phép hộ ông Lê Văn H được chuyển mục đích sử dụng một phần diện tích là 40/152 m<sup>2</sup> đất vườn tại thửa số 153A, Tờ bản đồ số 8, xã Y sang đất ở.

Ngày 07/11/2001 hộ ông H được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01457/QSDD/A13 đối với 152 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 153A, Tờ bản đồ số 08, xã Y; trong đó: 40 m<sup>2</sup> đất ở với thời hạn sử dụng lâu dài (không thời hạn) và 112 m<sup>2</sup> đất vườn (tạm giao sử dụng do có quy hoạch mở rộng đường).

Năm 2014, thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua địa bàn huyện H, tỉnh Bình Định, hộ ông H bị thu hồi một phần diện tích thửa đất nói trên. Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H lập ngày 25/8/2014, diện tích thửa đất trên đo đạc thực tế là 169,1 m<sup>2</sup>; trong đó diện tích đất trong phạm vi giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án mở rộng đường là 74,1 m<sup>2</sup> (thuộc phạm vi hành lang bảo vệ các công trình giao thông đường bộ), diện tích đất còn lại ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng là 95 m<sup>2</sup>.

Ngày 27/6/2014, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 6234/QĐ-UBND phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường cho hộ ông Lê Văn H với tổng số tiền là 393.007.000 đồng; trong đó, bồi thường, hỗ trợ về đất trồng cây lâu năm trong cùng thửa đất có nhà ở (diện tích 100,5 m<sup>2</sup>) là 102.309.000 đồng, về tài sản trên đất là 278.197.880 đồng; hỗ trợ khác 12.500.000 đồng.

Ngày 31/12/2014, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 13538/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 6324/QĐ-UBND nêu trên. Theo Quyết định số 13538/QĐ-UBND, hộ ông H được bồi thường, hỗ trợ với số tiền 458.124.000 đồng; trong đó, bồi thường, hỗ trợ về đất (diện tích 74,1 m<sup>2</sup> gồm 40 m<sup>2</sup> đất ở và 34,1 m<sup>2</sup> vườn) là 162.713.800 đồng, về tài sản là 282.128.000 đồng; hỗ trợ khác là 13.282.100 đồng.

Ngày 27/02/2015, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1151/QĐ-UBND thu hồi diện tích 74,1 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm của hộ ông H để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn K1125 ÷ Km 115, huyện H, tỉnh Bình Định.

Ngày 04/3/2015, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 1273/QĐ-UBND (thay thế Quyết định số 13538/QĐ-UBND nói trên) phê duyệt phương án điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ...do giải phóng mặt bằng đối với hộ ông H. Theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND, hộ ông H được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền bồi thường là 379.396.000 đồng (giảm so với Quyết định số 13538/QĐ-UBND là 78.728.000 đồng); trong đó, bồi thường, hỗ trợ về đất (diện tích 74,1 m<sup>2</sup> đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở) là 75.434.000 đồng

(giảm so với Quyết định số 13538/QĐ-UBND là 87.370.000 đồng); về tài sản là 286.479.492 đồng, hỗ trợ khác là 17.486.100 đồng.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ nêu trên, ông H có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện H với yêu cầu:

- Bồi thường diện tích đất còn thiếu 10,4 m<sup>2</sup>.
- Bồi thường 84,5 m<sup>2</sup> theo đơn giá đất ở nhưng không trừ vào sổ theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định.
- Bồi thường toàn bộ diện tích nhà vì phần nhà còn lại sát vách buồng và bếp, công trình vệ sinh.
- Tính lại phần móng nhà bị ảnh hưởng.
- Đề nghị xem xét tái định cư.

Ngày 12/5/2015, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 2678/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Lê Văn H với nội dung: Giữ nguyên Quyết định số 1273/QĐ-UBND nêu trên; đồng thời giao cho Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng lập phương án bồi thường bổ sung cho hộ ông H (bồi thường bổ sung giằng móng, trụ bê tông cốt thép và khối lượng đắp đất tôn nền đối với phần móng sâu trên 1 m, hỗ trợ dỡ dọn 2 bức tường của phòng ngủ 1).

Không đồng ý với Quyết định số 2678/QĐ-UBND nêu trên, ngày 10/6/2015, ông H tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

Ngày 22/3/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 874/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần 2) của ông H, với nội dung:

- + Không công nhận nội đơn khiếu nại đối với bồi thường về đất ở...; yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích nhà ở do bị giải tỏa...; yêu cầu hỗ trợ tái định cư.
- + Công nhận Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 của Chủ tịch UBND huyện H...là đúng theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với các Quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên, ngày 08/4/2017, ông H làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định yêu cầu Tòa án hủy 02 Quyết định giải quyết khiếu nại số 2678/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 của Chủ tịch UBND huyện H, Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, buộc UBND huyện H phải bồi thường 74,1 m<sup>2</sup> đất bị thu hồi là đất ở, bồi thường giá trị nhà bị giải tỏa là 100 %, cấp đất tái định cư cho gia đình theo quy định của pháp luật, với lý do:

- Diện tích đất bị thu hồi là 100,5 m<sup>2</sup>, có hai căn nhà là đất ở mà bồi thường theo giá đất trồng cây lâu năm trong cùng thửa đất có nhà ở là không đúng quy định của Nhà nước.
- 02 ngôi nhà của ông H bị tháo dỡ toàn bộ 2 phòng trước (phòng trưng bày mua bán và phòng tiếp khách) nhưng Hội đồng giải phóng mặt bằng chỉ bồi thường phần diện tích thu hồi bị đập phá mà không bồi thường toàn bộ ngôi nhà.

Ông không đồng ý với phương án bồi thường này vì khi tháo dỡ 2 phòng này thì toàn bộ cấu trúc của ngôi nhà bị ảnh hưởng hoàn toàn, không thể sửa chữa được mà phải dọn dỡ và xây mới thì kết cấu nhà và thẩm mỹ ngôi nhà mới đảm bảo. Theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 18 của Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh và ý kiến đề xuất của Sở Giao thông vận tải gửi UBND tỉnh Bình Định tại Công văn số 854/SGTVT-GPMB ngày 18/4/2014 thì ông phải được bồi thường toàn bộ giá trị nhà.

Tại Công văn số 3675/UBND-TD ngày 17/7/2017 (BL201), phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định trình bày quan điểm: Việc hộ ông H đề nghị bồi thường 74,1 m<sup>2</sup> đất bị thu hồi theo giá đất ở là không có cơ sở vì phần diện tích này nằm trong diện tích 112 m<sup>2</sup> đất vườn tạm giao do ảnh hưởng quy hoạch mở rộng đường, thuộc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ. Đối với đề nghị đòi bồi thường toàn bộ diện tích nhà do bị ảnh hưởng đến kết cấu, công năng sử dụng của hộ ông H: Theo Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 13/3/2015 thì thửa đất có nhà 01 và nhà 02 cùng chung tường liền kề nhau, có mặt tiền 08m; nhà 01 gồm: Phòng khách, 02 phòng ngủ, bếp và công trình phụ, bị ảnh hưởng chỉ giới giải phóng mặt bằng gần hết phòng khách nhưng đã được tính bồi thường hết phòng khách là 39,15 m<sup>2</sup>; nhà 02 gồm: Phòng đầu là kho hàng, sau là phòng ngủ, nhà 02 bị ảnh hưởng từ bước cột thứ nhất qua bước cột thứ 2 nhưng được tính bồi thường đến bước cột thứ 3 với diện tích 30,45 m<sup>2</sup> và hỗ trợ sửa chữa mặt đứng cả 2 nhà, hỗ trợ dỡ dỡ 02 bức tường của phòng ngủ là phù hợp và đúng quy định tại Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND tỉnh Bình Định. Do vậy, việc ông H đòi bồi thường toàn bộ diện tích nhà là không có cơ sở.

Tại Công văn số 658/UBND-NC ngày 27/6/2017 (BL250), tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện H trình bày: Đối với yêu cầu bồi thường diện tích đất bị thu hồi 74,1 m<sup>2</sup> là đất ở, do diện tích đất trên thuộc phạm vi hành lang bảo vệ các công trình giao thông đường bộ nên theo nguyên tắc bồi thường quy định tại Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Điều 11 Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kèm theo Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định thì bồi thường diện tích 74,1 m<sup>2</sup> theo đơn giá đất vườn là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu giá trị bồi thường nhà giải tỏa là 100%: Nhà ở của hộ ông H xây dựng năm 1992, có một phần diện tích xây dựng trên đất vườn, thuộc phạm vi hành lang bảo vệ các công trình giao thông đường bộ (quy định tại Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng). Theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 19 Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kèm theo Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định thì diện tích nhà bị giải tỏa của hộ ông H không được bồi thường, chỉ được hỗ trợ phần trăm (%) so với giá trị bồi thường về nhà, công trình bị giải tỏa. Vì vậy, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện H tính toán, hỗ trợ 80% giá trị nhà bị giải tỏa của hộ ông H là đúng quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2017/HC-ST ngày 18/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

*Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lê Văn H yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định; Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn H và buộc Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định và Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện H, tỉnh Bình Định phải bồi thường diện tích đất bị thu hồi 74,1 m<sup>2</sup> là đất ở, giá trị bồi thường nhà bị giải tỏa là 100%; xem xét hỗ trợ tái định cư cho hộ ông H.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; về án phí, về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/9/2017, ông H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 99/2018/HC-PT ngày 26/6/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định:

*Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Văn H. Sửa toàn bộ quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2017/HC-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về việc “Khiếu kiện các quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Xử:*

*1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Lê Văn H.*

*2. Hủy các Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định; Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn H.*

*3. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định, Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định và Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện H, tỉnh Bình Định phải xây dựng và phê duyệt phương án bồi thường cho hộ của ông Lê Văn H phần diện tích đất bị thu hồi 74,1 m<sup>2</sup> của hộ gia đình ông Lê Văn H là đất ở và giá trị bồi thường diện tích nhà bị giải tỏa là 100%.*

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/11/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định có đơn đề nghị xem xét Bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 06/2020/KN-HC ngày 18/6/2020, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị Bản án hành chính phúc thẩm số 99/2018/HC-PT ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng theo thủ tục giám đốc thẩm và đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 99/2018/HC-PT ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án

nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao xác định Quyết định kháng nghị số 06/2020/KN-HC ngày 18/6/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hủy bản án phúc thẩm là có căn cứ. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm số 50/2017/HC-PT ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định cũng không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 99/2018/HC-PT ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2017/HC-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại thời điểm Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 6234/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông H thì Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đang có hiệu lực nên việc UBND huyện H căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP để phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông H là đúng. Do Quyết định số 6234/QĐ-UBND được ban hành trước ngày 01/7/2014 nên theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì phương án đã được phê duyệt theo Quyết định số 6234/QĐ-UBND tiếp tục được thực hiện. Theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì *“Đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến trước ngày 01/7/2014 chưa thực hiện việc chi trả tiền bồi thường thì việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014”*. Như vậy, Quyết định số 6234/QĐ-UBND của UBND huyện H về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ ông H được ban hành ngày 27/6/2014 (trước ngày 01/7/2014) nên phải căn cứ quy định của Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003 để xử lý việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 đã bị thay thế bởi Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2014) nên phải căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 để giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông H là không đúng pháp luật.

[2] Tòa án cấp phúc thẩm còn cho rằng Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng quy định về Điều lệ bảo vệ đường bộ đã bị thay thế bởi Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07/12/1999 của Chính phủ

quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường bộ; Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05/11/2004 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ nên không căn cứ Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 để giải quyết vụ án là không đúng. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 2 Điều 43 quy định về việc xác định mốc thời gian đối với công trình tồn tại trong phạm vi đất dành cho đường bộ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thì: *“Từ ngày 21 tháng 12 năm 1982 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2000: thời điểm áp dụng Nghị định số 203/HĐBT ngày 21 tháng 12 năm 1982 của Hội đồng Bộ trưởng về Điều lệ bảo vệ đường bộ”*. Thời điểm ông H làm nhà là năm 1993. Thời điểm này Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng đang có hiệu lực. Do vậy, UBND các cấp căn cứ vào Nghị định số 203/HĐBT trên để giải quyết là đúng pháp luật.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ Thông tư số 60/2014/TT-BCA ngày 18/11/2014 của Bộ Công an quy định Biểu mẫu sử dụng trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân của Công an nhân dân để giải quyết vụ án này là không đúng.

[4] Quá trình giải quyết, UBND và Chủ tịch UBND huyện H ban hành nhiều quyết định có nội dung sửa đổi, bổ sung, quyết định sau thay thế quyết định trước; nội dung các Quyết định nêu trên bị thay đổi là do UBND và Chủ tịch UBND huyện H giải quyết không đúng pháp luật. Cụ thể:

Theo Quyết định số 6234/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 thì hộ ông H được bồi thường, hỗ trợ đối với 100,5 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm trong cùng thửa đất có nhà ở. Theo Quyết định số 13538/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 thì hộ ông H được bồi thường, hỗ trợ về đất đối với diện tích là 74,1 m<sup>2</sup> (trong đó, có 40 m<sup>2</sup> đất ở và 34,1 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm trong cùng thửa đất có nhà ở). Theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 04/3/2015 thì hộ ông H được bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 74,1 m<sup>2</sup> là đất trồng cây lâu năm trong cùng thửa đất có nhà ở. Theo Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 27/02/2015 thì hộ ông H bị thu hồi 74,1 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm. Như vậy, việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông H của UBND huyện H đối với 74,1 m<sup>2</sup> đất trong các Quyết định trên không thống nhất. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa làm rõ tại sao có sự không thống nhất như trên.

[5] Thửa đất số 153A, Tờ bản đồ số 08, xã Y, huyện H của hộ gia đình ông Lê Văn H đang sử dụng có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của bà Võ Thị Đ1. Theo Giấy sang nhượng thổ cư giữa bà Võ Thị Đ1 với ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị T2 lập ngày 15/6/1992 thì diện tích đất chuyển nhượng cho ông H là đất thổ cư; còn theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 417/2001/CNQSDĐ ngày 28/10/2001 giữa bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất là ông Nguyễn L (con bà Đ1) và bà Nguyễn Thị K (vợ ông L) với bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị T2 thì diện



tích chuyển nhượng là đất vườn thuộc một phần thửa đất số 153, Tờ bản đồ số 8, xã Y, huyện H. Tại Quyết định số 1075/QĐ-UB ngày 31/10/2001, UBND huyện H cho phép hộ ông Lê Văn H được chuyển mục đích sử dụng từ đất vườn sang đất ở là 40 m<sup>2</sup>, còn lại 112 m<sup>2</sup> là đất vườn tạm giao do quy hoạch mở rộng đường. Ngày 07/11/2001, UBND huyện H căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng số 417/2001/HĐCN ngày 28/10/2001 nêu trên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho hộ ông H. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa xác minh làm rõ tại sao UBND huyện H căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng số 417 để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H mà không căn cứ vào Giấy sang nhượng thổ cư giữa bà Đ1 với gia đình ông H.

[6] Trong hồ sơ vụ án có ba Hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị ảnh hưởng do đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1A (Thửa đất số 104, Tờ bản đồ số 13, xã Y, huyện H) thể hiện tổng diện tích của thửa đất, diện tích đất trong phạm vi giải phóng mặt bằng dự án khác nhau, cụ thể: Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 05/6/2014 thì tổng diện tích thửa đất là 148,3 m<sup>2</sup>; trong đó, có diện tích đất theo phạm vi giải phóng mặt bằng dự án ABD3 là 47,2 m<sup>2</sup>, diện tích đất trong phạm vi giải phóng mặt bằng dự án BOT là 53,3 m<sup>2</sup>; diện tích đất còn lại là 95 m<sup>2</sup>; còn theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 104, Tờ bản đồ số 13, xã Y) lập ngày 25/8/2014 thì tổng diện tích đất thực tế sử dụng là 169,1 m<sup>2</sup>; tổng diện tích đất bị thu hồi là 74,1 m<sup>2</sup> (trong đó diện tích đất theo phạm vi giải phóng mặt bằng dự án ABD3 (A) là 20,8 m<sup>2</sup>, diện tích đất trong phạm vi giải phóng mặt bằng dự án BOT (B) là 53,3 m<sup>2</sup>. Theo Hồ sơ kỹ thuật lập cùng ngày 25/8/2014 thì diện tích đất trong phạm vi giải phóng mặt bằng dự án BOT (B) là 74,1 m<sup>2</sup> (không có dự án ABD3). Như vậy, trong hồ sơ vụ án có ba Hồ sơ kỹ thuật thửa đất, trong đó có hai hồ sơ kỹ thuật lập cùng ngày nhưng có số liệu khác nhau như nêu trên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa làm rõ sự mâu thuẫn của ba tài liệu này, tài liệu nào đúng, tài liệu nào không đúng.

[7] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án các cấp chưa xác minh làm rõ diện tích nhà xây dựng hoàn toàn trên đất hành lang giao thông hay có phần trên diện tích 40 m<sup>2</sup> đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hơn nữa, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cũng chưa xác minh thời điểm cắm mốc hành lang an toàn giao thông để xác định hộ ông H có được bồi thường theo giá đất ở đối với diện tích đất bị thu hồi theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 11 Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Bình Định (*“Đối với thửa đất có vườn, ao được sử dụng ổn định từ 08/12/1980 đến ngày 01/7/2004 có diện tích xây dựng thực tế lớn hơn diện tích đất ở ghi trong các giấy tờ về quyền sử dụng, hoặc lớn hơn hạn mức công nhận là đất ở, phần diện tích đất lớn hơn được UBND xã phường xác nhận tại thời điểm xây dựng không vi phạm khoản 4, Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP thì được bồi thường theo giá đất ở cho toàn bộ diện tích đất thực tế xây dựng bị thu hồi”*) hay không là thiếu sót.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266, khoản 1 Điều 271, khoản 3 Điều 272 và khoản 2 Điều 274 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 06/2020/KN-HC ngày 18/6/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 99/2018/HC-PT ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 99/2018/HC-PT ngày 26/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Bản án hành chính sơ thẩm số 50/2017/HC-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
  - Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
  - TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
  - VKSND tỉnh Bình Định;
  - TAND tỉnh Bình Định
- (02 bản kèm HSVA);
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
  - Các đương sự (theo địa chỉ);
  - Lưu: Vụ GDKTIII (3b), VP (TANDTC), Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Du  
(đã ký)**